

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		7,635,723,530,350	6,756,021,842,951
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV.1	730,008,717,644	30,380,550,719
1. Tiền		111		730,008,717,644	30,380,550,719
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	IV.2	3,948,618,472,324	3,667,221,984,035
1. Chứng khoán kinh doanh		121		104,655,027,001	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		(385,660,000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	IV.2a	3,844,349,105,323	3,667,221,984,035
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,176,431,011,134	1,053,587,782,485
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	IV.3	580,114,066,103	593,749,977,231
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1		580,114,066,103	593,749,977,231
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		-	-
2. Trả trước cho người bán		132	IV.4	349,290,275,254	269,379,260,128
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		32,000,000,000	34,000,000,000
5. Các khoản phải thu khác		136	IV.5	367,248,868,081	294,031,502,173
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	IV.6	(152,222,198,304)	(137,572,957,047)
IV Hàng tồn kho		140		903,503,869	627,726,443
1. Hàng tồn kho		141	IV.7	903,503,869	627,726,443
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		267,376,388,151	341,260,751,141
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV.8a	260,590,902,784	333,189,067,331
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		209,513,399,497	242,815,443,918
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		51,077,503,287	90,373,623,413
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		4,878,693,208	5,858,407,023
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	IV.9	1,906,792,159	2,213,276,787
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,512,385,437,228	1,662,943,048,128
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	IV.18	627,269,005,865	665,698,926,324
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	IV.18	885,116,431,363	997,244,121,804

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		689,516,517,249	1,668,282,568,939
I Các khoản phải thu dài hạn		210		19,926,992,054	13,931,347,831
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		19,926,992,054	13,931,347,831
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		11,926,992,054	5,931,347,831
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II Tài sản cố định		220		404,503,679,755	440,008,988,797
1. Tài sản cố định hữu hình		221	IV.10	362,245,158,474	395,229,044,533
Nguyên giá		222		518,836,350,531	554,036,641,341
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(156,591,192,057)	(158,807,596,808)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	IV.11	42,258,521,281	44,779,944,264
Nguyên giá		228		70,296,645,120	64,639,890,396
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(28,038,123,839)	(19,859,946,132)
III Bất động sản đầu tư		230	IV.12	31,348,738,274	36,935,595,114
Nguyên giá		231		41,505,826,380	45,964,826,380
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(10,157,088,106)	(9,029,231,266)
IV Tài sản dở dang dài hạn		240		59,737,400,990	62,511,748,383
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	IV.13	59,737,400,990	62,511,748,383
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		132,587,538,300	1,092,988,008,152
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	IV.2b	17,458,138,300	26,781,618,385
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254		(15,000,000,000)	(15,000,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	IV.2a	100,000,000,000	1,051,076,989,767
VI Tài sản dài hạn khác		260		41,412,167,876	21,906,880,662
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	IV.8b	41,394,726,567	21,889,439,353
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		17,441,309	17,441,309
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
4. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,325,240,047,599	8,424,304,411,890

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		5,663,187,394,040	6,038,351,160,010
I	Nợ ngắn hạn	310		5,635,606,002,489	6,029,068,165,104
1.	Phải trả cho người bán	311	IV.14	648,621,211,058	583,091,429,376
1.1	Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	311.1		568,208,898,134	489,229,005,138
1.2	Phải trả khác cho người bán	311.2		80,412,312,924	93,862,424,238
2.	Người mua trả tiền trước	312	IV.15	14,375,779,210	5,723,175,750
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.16	55,310,508,202	41,869,484,162
4.	Phải trả người lao động	314		200,521,382,109	170,463,066,290
5.	Chi phí phải trả	315		3,432,843,351	8,452,187,444
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		118,103,532,270	136,021,242,850
7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		153,577,342,804	175,796,385,085
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.17	171,298,758,152	182,096,837,895
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		288,000,000,000	301,659,453,071
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9,594,693,587	43,513,466
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13.	Dự phòng nghiệp vụ	329	IV.18	3,972,769,951,746	4,423,851,389,715
13.1	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	IV.18a	2,102,818,424,557	2,284,466,445,222
13.2	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	319.2	IV.18a	1,646,045,443,308	1,942,795,192,972
13.3	Dự phòng dao động lớn	319.3	IV.18b	223,906,083,881	196,589,751,521
II	Nợ dài hạn	330		27,581,391,551	9,282,994,906
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2.	Phải trả dài hạn khác	337		25,605,347,219	7,359,000,000
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,976,044,332	1,923,994,906

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,662,052,653,559	2,385,953,251,880
	Vốn chủ sở hữu	410	2,662,052,653,559	2,385,953,251,880
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1,205,921,290,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1,205,921,290,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	425,978,852,804	827,943,052,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	28,642,118,155	28,642,118,155
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	94,459,326,499	80,395,709,000
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	902,963,590,816	640,921,418,484
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	611,417,239,131	319,169,128,651
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	291,546,351,685	321,752,289,833
12	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,087,475,285	4,093,863,437
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,325,240,047,599	8,424,304,411,890

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		110,858,015,198	154,275,958,588
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		300,855.09	324,785.64
Euro (EUR)		32,369.77	22.27
Bảng Anh (£)		1,851.97	1,858.57

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp



Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		3,259,452,297,409	3,891,280,789,473
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		51,111,404,896	2,298,575,758
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	278,171,875,139	204,949,122,053
4. Thu nhập khác	13		13,235,278,939	12,148,548,802
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		2,847,248,331,176	3,450,194,976,418
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		38,407,125,372	1,240,113,102
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	138,708,679,169	56,433,960,821
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		1,971,971	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	209,194,866,885	199,679,912,689
9. Chi phí khác	24		9,393,879,535	3,157,583,733
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		11,728,580,198	2,772,876,101
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		370,744,582,473	402,743,365,424

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		79,146,181,362	81,609,293,976
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		52,049,426	(618,218,386)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		291,546,351,685	321,752,289,834
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		(6,388,152)	79,823,332
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		291,552,739,837	321,672,466,502
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	2,418	4,001

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: tỷ đồng)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2025			Quý IV.2024			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
									Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,010,138,735,725			1,112,211,953,518			4,023,922,943,180	4,725,346,643,382
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		981,958,956,673			1,018,898,270,357			3,757,886,215,912	4,016,112,654,444
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		17,296,996,606			23,274,691,357			84,388,706,604	82,871,846,270
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(10,882,782,446)			(70,038,991,804)			(181,648,020,664)	(626,362,142,668)
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		234,048,259,153			292,344,016,432			1,149,071,606,019	1,399,892,438,157
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		261,838,882,066			213,953,870,118			1,110,641,685,561	1,176,863,605,138
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		27,790,622,913			(78,390,146,314)			(38,429,920,458)	(223,028,833,019)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		776,090,476,572			819,867,937,086			2,874,851,337,161	3,325,454,205,225
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		69,433,600,769			114,203,112,898			384,600,960,248	565,826,584,248
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		56,493,551,215			72,055,835,276			272,047,170,450	360,511,111,438
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		12,940,049,554			42,147,277,622			112,553,789,798	205,315,472,810
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		845,524,077,341			934,071,049,984			3,259,452,297,409	3,891,280,789,473
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-			-			-	-
6. Chi bồi thường	11		484,352,781,029			523,448,578,221			1,942,328,321,770	2,121,029,905,014
- Tổng chi bồi thường	11.1		506,448,699,461			530,929,856,107			1,982,613,526,378	2,146,325,503,245
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		22,095,918,432			7,481,277,886			40,285,204,608	25,295,598,231
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		129,120,361,577			106,225,906,342			629,143,377,848	549,579,945,312

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		130,271,867,093	(190,368,559,922)
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		15,728,672,655	(5,746,500,699)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		531,765,866,317	1,128,562,884,699
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		8,281,948,067	27,316,332,360
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		210,060,674,625	1,691,369,114,117
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		123,697,923,682	414,589,310,382
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		86,362,750,943	1,276,779,803,735
13.1 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18.1		750,108,489,009	2,847,248,331,176
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	-
14.1 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19.1		183,962,560,975	412,203,966,233
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	19.2		-	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		569,283,938	51,111,404,896
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		310,028,273	38,407,125,372
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		259,255,665	12,704,279,524
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	36,466,956,785	278,171,875,139
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	37,237,739,070	138,708,679,169
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		(770,782,285)	139,463,195,970
21. Chi phí bán hàng	26.1		-	1,971,971
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	V.4	99,358,117,651	209,194,866,885
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		84,092,916,704	355,174,602,871

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý IV.2025	Quý IV.2024	Năm trước
23.			Thu nhập khác	2,633,607,589	4,160,576,150	13,235,278,939
24.			Chi phí khác	2,833,723,128	1,438,345,380	9,393,879,535
25.			Lợi nhuận khác (40=31-32)	(200,115,539)	2,722,230,770	3,841,399,404
25.			Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	522,924,921	(252,977,545)	11,728,580,198
26.			Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	82,660,397,970	86,562,169,929	370,744,582,473
27.			Chi phí thuế TNDN hiện hành	22,146,181,362	18,637,673,483	79,146,181,362
28.			Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1,221,138,489	(748,131,758)	52,049,426
29.			Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	59,293,078,119	68,672,628,204	291,546,351,685
37.			Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(184,337,081)	68,333,854	(6,388,152)
38.			Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	59,477,415,200	68,604,294,350	291,552,739,837
30.			Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	2,418
						4,001

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Trang

Lê Trọng Hiệp

Hàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		370,744,582,473	402,743,365,424
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		30,793,835,403	27,615,857,047
- Các khoản dự phòng	03		(296,714,338,681)	(298,713,497,660)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		48,688,748	87,206,543
Lỗ CLTG chưa thực hiện				
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(169,939,418,114)	(339,746,041,085)
- Chi phí lãi vay	06		15,484,652,671	8,663,798,429
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(49,581,997,500)	(199,349,311,302)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(209,759,171,710)	(228,566,641,045)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(275,777,426)	(58,185,461)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		54,835,937,809	(62,698,579,954)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		53,092,877,333	158,508,267,647
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(104,655,027,001)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15,341,067,739)	(7,195,756,834)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60,846,229,975)	(97,901,131,557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		9,551,180,121	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		14,063,617,499	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(308,915,658,589)	(437,261,338,506)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15,538,604,952)	(10,012,545,589)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9,292,499,998	11,449,972,512
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8,479,564,959,576)	(7,476,888,281,339)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9,253,514,828,055	6,618,255,461,855
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		20,152,200,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		222,862,991,696	377,548,876,364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,010,718,955,221	(479,646,516,197)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		801,000,000,000	986,659,453,071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(803,000,000,000)	(743,596,928,581)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(126,440,959)	(194,276,758)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2,126,440,959)	242,868,247,732
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		699,676,855,673	(674,039,606,971)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	30,380,550,719	704,507,364,233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(48,688,748)	(87,206,543)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	730,008,717,644	30,380,550,719

Người lập biểu



Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng



Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2026



Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	97,60%	97,60%	97,60%	97,60%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Tổng Công ty có 2.135 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.017 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	23,928	15,478,585
Tiền gửi ngân hàng	730,008,693,716	30,365,072,134
Cộng	730,008,717,644	30,380,550,719

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	104,655,027,001	104,269,367,001	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	3,944,349,105,323	3,944,349,105,323	4,718,298,973,802	4,718,298,973,802
Tiền gửi có kỳ hạn	3,844,349,105,323	3,844,349,105,323	3,667,221,984,035	3,667,221,984,035
Đầu tư trái phiếu	2,888,756,985,225	2,888,756,985,225	3,621,929,812,235	3,621,929,812,235
Dài hạn	955,592,120,098	955,592,120,098	45,292,171,800	45,292,171,800
Tiền gửi có kỳ hạn	100,000,000,000	100,000,000,000	1,051,076,989,767	1,051,076,989,767
Đầu tư trái phiếu	-	-	450,000,000,000	450,000,000,000
Cộng	100,000,000,000	100,000,000,000	601,076,989,767	601,076,989,767
Cộng	4,049,004,132,324	4,048,618,472,324	4,718,298,973,802	4,718,298,973,802

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽¹⁾	-	-	-	20,152,200,000	-	20,152,200,000
Công ty Cổ phần Kasati ⁽²⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	14,292,700,000	-	14,292,700,000	34,444,900,000	-	34,444,900,000

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	10,212,750,095	(1,871,597,362)	-	(8,341,152,733)	-
(2)	16,568,868,290	2,430,950,987	(1,396,140,920)	(145,540,057)	17,458,138,300
Cộng	26,781,618,385	559,353,625	(1,396,140,920)	(8,486,692,790)	17,458,138,300

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	15,000,000,000

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	297,527,642,272	253,965,898,382
Phải thu về tái bảo hiểm	282,586,423,831	339,784,078,849
Cộng	580,114,066,103	593,749,977,231

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	300,994,508,672	228,037,814,472
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	31,138,276,481	3,804,106,277
Trả trước cho nhà cung cấp khác	17,157,490,101	37,537,339,379
Cộng	349,290,275,254	269,379,260,128

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	157,192,156,308	210,115,729,890
Tạm ứng	27,481,492,483	17,756,200,660
Các khoản phải thu khác	182,575,219,290	66,159,571,623
Cộng	367,248,868,081	294,031,502,173

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	137,572,957,047	132,921,941,124
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	14,649,241,257	4,651,015,923
Số cuối kỳ	152,222,198,304	137,572,957,047

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	672,487,030	529,431,441
Công cụ, dụng cụ	231,016,839	98,295,002
Cộng	903,503,869	627,726,443

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	209,513,399,497	242,815,443,918
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	50,542,562,039	90,036,231,641
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	534,941,248	337,391,772
Cộng	260,590,902,784	333,189,067,331

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	242,815,443,918	316,726,457,512
Số phát sinh trong kỳ	381,287,265,962	419,631,603,056
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(414,589,310,382)	(493,542,616,650)
Số dư cuối kỳ	209,513,399,498	242,815,443,918

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3,195,953,498	3,738,303,830
Chi phí thuê nhà	2,250,870,298	3,002,322,436
Chi phí phát triển đại lý	-	280,389,608
Các khoản chi phí khác	35,947,902,771	14,868,423,479
Cộng	41,394,726,567	21,889,439,353

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1,797,153,537	102,545,455
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	1,993,798,483
Thuế khác	109,638,622	116,932,849
Cộng	1,906,792,159	2,213,276,787

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	406,779,310,372	93,359,369,878	53,897,961,091	554,036,641,341
Tăng trong kỳ	-	-	9,881,850,228	9,881,850,228
Phân loại lại tài sản	(37,690,718,033)	2,325,855,964	18,213,962,455	(17,150,899,614)
Giảm trong kỳ	-	(27,931,241,424)	-	(27,931,241,424)
Số cuối kỳ	369,088,592,339	67,753,984,418	81,993,773,774	518,836,350,531
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	47,931,660,421	63,184,169,139	47,691,767,248	158,807,596,808
Khấu hao trong kỳ	8,512,182,746	6,230,926,774	6,312,127,621	21,055,237,141
Phân loại lại tài sản	(1,753,488,510)	162,267,218	2,365,149,090	773,927,798
Giảm trong kỳ	-	(24,045,569,690)	-	(24,045,569,690)
Số cuối kỳ	54,690,354,657	45,531,793,441	56,369,043,959	156,591,192,057
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	358,847,649,951	30,175,200,739	6,206,193,843	395,229,044,533
Số cuối kỳ	314,398,237,682	22,222,190,977	25,624,729,815	362,245,158,474

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27,564,441,158	37,075,449,238	64,639,890,396
Tăng trong kỳ	-	5,656,754,724	5,656,754,724
Số cuối kỳ	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	19,859,946,132	19,859,946,132
Khấu hao trong kỳ	-	8,178,177,707	8,178,177,707
Số cuối kỳ	-	28,038,123,839	28,038,123,839
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27,564,441,158	17,215,503,106	44,779,944,264
Số cuối kỳ	27,564,441,158	14,694,080,123	42,258,521,281

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	45,964,826,380	45,964,826,380
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(4,459,000,000)	(4,459,000,000)
Số cuối kỳ	-	41,505,826,380	41,505,826,380
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	9,029,231,266	9,029,231,266
Khấu hao trong kỳ	-	1,127,856,840	1,127,856,840
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	10,157,088,106	10,157,088,106
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	36,935,595,114	36,935,595,114
Số cuối kỳ	-	31,348,738,274	31,348,738,274

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	16,904,363,582	18,640,170,728	-	35,544,534,310
XDCB dở dang	45,607,384,801	12,372,167,857	33,786,685,978	24,192,866,680
Cộng	62,511,748,383	31,012,338,585	33,786,685,978	59,737,400,990

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	266,897,901,461	129,974,710,870
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	266,225,619,306	343,783,478,898
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	26,217,768,305	15,470,815,370
Phải trả cho nhà cung cấp khác	89,279,921,986	93,862,424,238
Cộng	648,621,211,058	583,091,429,376

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	14,375,779,210	5,723,175,750
Cộng	14,375,779,210	5,723,175,750

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	32,966,911,948	18,629,172,726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,292,390,740	16,611,886,678
Thuế thu nhập cá nhân	3,946,651,576	6,523,781,835
Thuế khác	104,553,938	104,642,923
Cộng	<u>55,310,508,202</u>	<u>41,869,484,162</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	196,339,719
Kinh phí công đoàn	9,300,995,448	10,243,340,657
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,983,581,666	9,110,022,625
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	10,016,848,651	8,396,723,593
Các khoản khác	142,997,332,388	154,150,411,301
Cộng	<u>171,298,758,152</u>	<u>182,096,837,895</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,646,045,443,308	885,116,431,363	760,929,011,945	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1,571,529,093,232	850,877,961,213	720,651,132,019	1,823,596,687,363	944,539,386,858	879,057,300,505
	74,516,350,076	34,238,470,150	40,277,879,926	119,198,505,609	52,704,734,946	66,493,770,663
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898
Cộng	3,748,863,867,865	1,512,385,437,228	2,236,478,430,637	4,227,261,638,194	1,662,943,048,128	2,564,318,590,066
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168	1,627,059,863,199	752,256,379,141	874,803,484,058
Số trích lập trong kỳ	(296,749,749,664)	(112,127,690,441)	(184,622,059,223)	315,735,329,773	244,987,742,663	70,747,587,110
Số dư cuối kỳ	1,646,045,443,308	885,116,431,363	760,929,011,945	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898	2,910,828,587,889	888,727,759,342	2,022,100,828,547
Số trích lập trong kỳ	(181,648,020,665)	(38,429,920,459)	(143,218,100,206)	(626,362,142,667)	(223,028,833,018)	(403,333,309,649)
Số dư cuối kỳ	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	196,589,751,521	167,368,542,565
Số trích lập thêm trong kỳ	27,316,332,360	29,221,208,956
Số dư cuối kỳ	223,906,083,881	196,589,751,521

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	319,322,298,187	4,014,040,105	2,064,274,308,251
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	321,672,466,502	79,823,332	321,752,289,834
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(73,346,205)	-	(73,346,205)
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	640,921,418,484	4,093,863,437	2,385,953,251,880
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	640,921,418,484	4,093,863,437	2,385,953,251,880
Tăng vốn trong kỳ	401,964,200,000	(401,964,200,000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	291,552,739,837	(6,388,152)	291,546,351,685
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	(14,063,617,499)	-	(14,063,617,499)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	14,063,617,499	(9,565,938,386)	-	(9,565,938,386)
Trích thưởng ban lãnh đạo	-	-	-	-	(6,377,292,257)	-	(6,377,292,257)
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(145,540,057)	-	(145,540,057)
Lãi do bán công ty liên kết	-	-	-	-	641,820,694	-	641,820,694
Số dư cuối năm nay	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	902,963,590,816	4,087,475,285	2,662,052,653,559

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120,592,129	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120,592,129	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bảo hiểm gốc	3,795,606,840,911	4,090,207,035,526
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(37,720,624,999)	(74,094,381,082)
Phí nhận tái bảo hiểm	84,388,706,604	84,175,011,851
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	-	(1,303,165,581)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	181,648,020,664	626,362,142,668
Doanh thu thuần	4,023,922,943,180	4,725,346,643,382

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	151,188,093,461	169,089,442,938
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3,337,923,651	276,978,422
Lãi kinh doanh trái phiếu, đầu tư khác	115,764,268,951	29,866,315,237
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,149,700,000	122,744,852
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,571,346,123	5,554,114,990
Các khoản khác	160,542,953	39,525,613
Cộng	278,171,875,139	204,949,122,053

3. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15,484,652,671	8,663,798,429
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,195,624,645	7,671,569,441
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	112,331,103,609	39,734,050,369
Chi phí tài chính khác	5,697,298,244	364,542,582
Cộng	138,708,679,169	56,433,960,821

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	48,667,290,656	61,033,995,909
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	832,258,784	1,776,242,622
Chi phí dụng cụ quản lý	5,022,967,539	2,059,058,982
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32,929,428,263	19,597,640,598
Thuế phí và lệ phí	12,050,252,962	12,677,567,249
Chi phí dự phòng	14,649,241,257	4,651,015,923
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77,538,412,390	82,709,694,123
Chi phí khác bằng tiền	17,505,015,034	15,174,697,283
Cộng	209,194,866,885	199,679,912,689

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	291,552,739,837	321,672,466,502
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	291,552,739,837	321,672,466,502
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	120,592,129	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,418	4,001

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến